

Tài liệu minh họa chương trình Bảo hiểm Nhân thọ

Kế hoạch Tài chính dành cho gia đình với Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y

Kế hoạch Tài chính dành cho gia đình với Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y là chương trình bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung được thiết kế theo nhu cầu riêng của Quý khách với quyền lợi bảo hiểm đa dạng, quyền lợi đầu tư an toàn và phương thức đóng phí bảo hiểm chủ động, linh hoạt.



96
BỆNH NAN Y

Bảo vệ toàn diện trước rủi ro về tai nạn và 96 bệnh nan y



100%

Hoàn lại 100% chi phí bảo hiểm rủi ro vào năm 75 tuổi



100% PLUS

Nhận thêm 100% khoản lãi trung bình hàng năm của Giá trị tài khoản trong mỗi 4 năm



0%
PHÁT SINH

Không phát sinh chi phí trên Tài khoản Tích lũy, mang đến hiệu quả đầu tư và sự linh hoạt cao nhất

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM (“Chubb Life”) hoạt động kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ và Bảo hiểm Sức khỏe theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 33GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 04/05/2005 và các giấy phép điều chỉnh.

Trụ sở chính: Tầng 21, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

☎ (84-28) 3827 8989

🎧 *8123 hoặc (84-28) 3827 8123

📠 (84-28) 3821 9000

✉ chubblife.vietnam@chubb.com

🏠 <http://life.chubb.com/vn>

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi	Nhóm nghề nghiệp
Bên mua Bảo hiểm (BMBH)	NGUYEN VAN A	NAM	01/01/1979	40	2
Người được Bảo hiểm (NDBH) 1	NGUYEN VAN A	NAM	01/01/1979	40	2
Người được Bảo hiểm (NDBH) 2	NGUYEN THI B	NỮ	01/01/1981	38	2
Người được Bảo hiểm (NDBH) 3	NGUYEN VAN C	NAM	01/01/2011	8	2
Người được Bảo hiểm (NDBH) 4	NGUYEN THI D	NỮ	01/01/2015	4	2

II. THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM THAM GIA

Tên sản phẩm	Mệnh giá Sản phẩm (đồng)	Tuổi của NDBH 1 khi đáo hạn	Phí BH cơ bản (đồng) (*)
Kế hoạch Tài chính dành cho gia đình với Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y Lựa chọn A	1.000.000.000	99	38.500.000

Điều kiện Bảo hiểm (**)	NDBH 1	NDBH 2	NDBH 3	NDBH 4
Quyền lợi Bảo hiểm Tử vong	S/S	S/S		
Quyền lợi Bảo hiểm Tử vong do Tai nạn	S/S	S/S		
Quyền lợi Bảo hiểm Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	S/S	S/S		
Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y	S/S	S/S	S/S	S/S

Phí BH cơ bản:	38.500.000 đồng
Phí BH đóng năm đầu (dự kiến):	38.500.000 đồng
Phí BH đóng theo kỳ (dự kiến):	38.500.000 đồng
Định kỳ đóng phí:	năm
Thời gian đóng phí (dự kiến):	24 năm

Ghi chú:
(*) Phí BH cơ bản là phí BH tối thiểu mà BMBH phải đóng cho mỗi năm trong 03 Năm hợp đồng đầu tiên.
(**) Điều kiện bảo hiểm: S/S là điều kiện bảo hiểm chuẩn, còn lại là điều kiện tăng phí bảo hiểm.

III. GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (QLBH)

Quyền lợi Bảo hiểm	Sự kiện Bảo hiểm	Số tiền Bảo hiểm chi trả (đồng)
Người được Bảo hiểm 1		
Quyền lợi Duy trì Hợp đồng	Ngày đáo niên của Năm hợp đồng thứ 4 và mỗi 4 Năm hợp đồng sau đó	100% khoản lãi trung bình hàng năm của Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHD) trong 4 Năm hợp đồng trước đó (1).
Quyền lợi Tuổi vàng	NĐBH 1 đạt 75 Tuổi bảo hiểm	100% tổng Phí bảo hiểm rủi ro đã khấu trừ
QLBH Bệnh Nan Y	Mắc Bệnh Nan Y giai đoạn sớm (2)	250.000.000
	Mắc Bệnh Nan Y giai đoạn muộn (2)	500.000.000
QLBH Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn (2)	Tổng của: (i) giá trị lớn nhất của Giá trị Tài khoản Cơ bản hoặc 1.000.000.000 sau khi trừ đi Số tiền Bảo hiểm đã chi trả cho QLBH Bệnh Nan Y (nếu có), cộng với (ii) Giá trị Tài khoản Tích lũy.
QLBH Tử vong	Tử vong	Tổng của: (i) giá trị lớn nhất của Giá trị Tài khoản Cơ bản hoặc 1.000.000.000 sau khi trừ đi Số tiền Bảo hiểm đã chi trả cho QLBH Bệnh Nan Y (nếu có), cộng với (ii) Giá trị Tài khoản Tích lũy.
QLBH Tử vong do Tai nạn	Tử vong do Tai nạn (3)	Chi trả thêm 500.000.000
Quyền lợi Đáo hạn	Ngày đáo hạn HĐBH	Giá trị Tài khoản Hợp đồng
Người được Bảo hiểm 2		
QLBH Bệnh Nan Y	Mắc Bệnh Nan Y giai đoạn sớm (2)	250.000.000
	Mắc Bệnh Nan Y giai đoạn muộn (2)	500.000.000
QLBH Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn (2)	1.000.000.000 trừ đi Số tiền Bảo hiểm đã chi trả cho QLBH Bệnh Nan Y (nếu có).
QLBH Tử vong	Tử vong (2)	1.000.000.000 trừ đi Số tiền Bảo hiểm đã chi trả cho QLBH Bệnh Nan Y (nếu có).
QLBH Tử vong do Tai nạn	Tử vong do Tai nạn (3)	Chi trả thêm 500.000.000
Người được Bảo hiểm 3, 4		
QLBH Bệnh Nan Y	Mắc Bệnh Nan Y (4)	100.000.000 (5)

- (1) Tương đương với 25% tổng các khoản lãi đã tính cho GTTKHD trong 4 Năm hợp đồng trước đó.
- (2) Chi trả khi sự kiện bảo hiểm xảy ra trước khi NĐBH đạt 75 Tuổi bảo hiểm.
- (3) Chi trả khi sự kiện bảo hiểm của NĐBH 1 xảy ra trước khi NĐBH 1 đạt 70 Tuổi bảo hiểm; chi trả khi sự kiện bảo hiểm của NĐBH 2 xảy ra trước khi NĐBH 2 đạt 70 Tuổi bảo hiểm & NĐBH 1 chưa đạt 75 Tuổi bảo hiểm.
- (4) Chi trả khi sự kiện bảo hiểm xảy ra trước khi NĐBH 3, 4 đạt 18 Tuổi bảo hiểm.
- (5) Nếu sự kiện Bảo hiểm xảy ra khi NĐBH nhỏ hơn 4 Tuổi bảo hiểm, Số tiền Bảo hiểm sẽ được điều chỉnh giới hạn theo tuổi.
- Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả được quy định cụ thể trong Bản Quy tắc và Điều khoản của HĐBH.

IV. QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ - QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

1. Quyền lợi Đầu tư: BMBH được hưởng quyền lợi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung (“Quỹ LKC”). Quyền lợi này sẽ được đưa vào GTTKHĐ dưới hình thức tính lãi hàng tháng theo mức Lãi suất công bố.

2. Rút tiền từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng:

2.1. Rút tiền từ Giá trị Tài khoản (“GTTK”) Tích lũy: BMBH có thể rút tiền vào bất kỳ lúc nào trong thời gian HĐBH đang có hiệu lực, và không phải chịu phí rút tiền.

2.2. Rút tiền từ GTTK Cơ bản: Sau khi đã rút toàn bộ GTTK Tích lũy, BMBH có thể rút tiền mặt từ GTTK Cơ bản lên đến 80% Giá trị Hoàn lại của tài khoản này. Sau khi BMBH rút tiền từ GTTK Cơ bản, Mệnh giá Sản phẩm sẽ được điều chỉnh: (i) giảm tương ứng với số tiền đã rút (nếu GTTK Cơ bản trước khi rút nhỏ hơn Mệnh giá Sản phẩm) hoặc (ii) bằng với GTTK Cơ bản sau khi rút (nếu GTTK Cơ bản trước khi rút lớn hơn hoặc bằng Mệnh giá Sản phẩm và GTTK Cơ bản sau khi rút nhỏ hơn Mệnh giá Sản phẩm). BMBH phải chịu Phí rút tiền từ GTTK Cơ bản là 3% tính trên tổng số tiền rút ra và được trừ vào GTTK Cơ bản.

V. BẢNG MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ

MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI CÁC MỨC LÃI SUẤT													Đơn vị tính: nghìn đồng	
Năm HD	Tuổi NĐBH 1	Phí BH dự kiến /Năm	Phí phân bố vào Quỹ LKC	LÃI SUẤT ĐẢM BẢO (Quyền lợi đảm bảo)				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 6%/NĂM			LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 8%/NĂM			Rút tiền mặt
				Khoản Khấu trừ trong Năm HD	GTTK Cơ bản	GTTK Tích lũy	Giá trị Hoàn lại	GTTK Cơ bản	GTTK Tích lũy	Giá trị Hoàn lại	GTTK Cơ bản	GTTK Tích lũy	Giá trị Hoàn lại	
1	41	38.500	7.700	6.834	987	-	-	1.109	-	-	1.191	-	-	-
2	42	38.500	23.100	7.216	17.477	-	-	18.214	-	-	18.711	-	-	-
3	43	38.500	30.800	7.598	42.004	-	3.504	44.116	-	5.616	45.555	-	7.055	-
4	44	38.500	38.500	8.060	75.812	-	46.937	81.478	-	52.603	85.386	-	56.511	-
5	45	38.500	38.500	8.505	109.109	-	89.859	118.443	-	99.193	124.998	-	105.748	-
6	46	38.500	38.500	9.079	142.812	-	133.187	157.032	-	147.407	167.186	-	157.561	-
7	47	38.500	38.500	9.690	176.904	-	176.904	197.334	-	197.334	212.162	-	212.162	-
8	48	38.500	38.500	10.456	216.031	-	216.031	249.633	-	249.633	274.493	-	274.493	-
9	49	38.500	38.500	11.218	250.788	-	250.788	294.092	-	294.092	326.760	-	326.760	-
10	50	38.500	38.500	11.992	285.781	-	285.781	340.453	-	340.453	382.480	-	382.480	-
11	51	38.500	38.500	12.648	317.982	-	317.982	389.039	-	389.039	442.187	-	442.187	-
12	52	38.500	38.500	13.651	357.136	-	357.136	460.708	-	460.708	537.028	-	537.028	-
13	53	38.500	38.500	14.610	388.803	-	388.803	515.076	-	515.076	608.064	-	608.064	-
14	54	38.500	38.500	15.741	419.938	-	419.938	571.768	-	571.768	684.024	-	684.024	-
15	55	38.500	38.500	16.635	450.792	-	450.792	631.331	-	631.331	765.825	-	765.825	-
16	56	38.500	38.500	17.852	486.719	-	486.719	728.254	-	728.254	908.215	-	908.215	-
17	57	38.500	38.500	19.012	513.953	-	513.953	796.345	-	796.345	1.008.274	-	1.008.274	-
18	58	38.500	38.500	20.175	540.402	-	540.402	868.010	-	868.010	1.115.374	-	1.115.374	-
19	59	38.500	38.500	21.263	566.150	-	566.150	943.797	-	943.797	1.229.978	-	1.229.978	-
20	60	38.500	38.500	22.340	599.516	-	599.516	1.075.917	-	1.075.917	1.440.397	-	1.440.397	-
21	61	38.500	38.500	23.228	624.196	-	624.196	1.163.360	-	1.163.360	1.579.249	-	1.579.249	-
22	62	38.500	38.500	24.295	648.145	-	648.145	1.254.847	-	1.254.847	1.727.847	-	1.727.847	-
23	63	38.500	38.500	25.470	671.268	-	671.268	1.350.745	-	1.350.745	1.887.244	-	1.887.244	-
24	64	38.500	38.500	26.880	703.237	-	703.237	1.525.498	-	1.525.498	2.193.107	-	2.193.107	-
25	65	-	-	29.580	683.994	-	683.994	1.593.799	-	1.593.799	2.345.326	-	2.345.326	-

MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI CÁC MỨC LÃI SUẤT													Đơn vị tính: nghìn đồng	
Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	Phí BH dự kiến /Năm	Phí phân bổ vào Quỹ LKC	LÃI SUẤT ĐẢM BẢO (Quyền lợi đảm bảo)				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 6%/NĂM			LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 8%/NĂM			Rút tiền mặt
				Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ	GTTK Cơ bản	GTTK Tích lũy	Giá trị Hoàn lại	GTTK Cơ bản	GTTK Tích lũy	Giá trị Hoàn lại	GTTK Cơ bản	GTTK Tích lũy	Giá trị Hoàn lại	
30	70	-	-	60.453	499.765	-	499.765	1.939.925	-	1.939.925	3.244.557	-	3.244.557	-
31	71	-	-	69.814	436.885	-	436.885	2.006.254	-	2.006.254	3.453.540	-	3.453.540	-
35	75	-	-	125.028	1.122.398	-	1.122.398	3.035.946	-	3.035.946	5.180.585	-	5.180.585	-
36	76	-	-	720	1.138.508	-	1.138.508	3.217.360	-	3.217.360	5.594.281	-	5.594.281	-
40	80	-	-	720	1.205.451	-	1.205.451	4.059.240	-	4.059.240	7.609.180	-	7.609.180	-
45	85	-	-	720	1.294.979	-	1.294.979	5.429.723	-	5.429.723	11.180.691	-	11.180.691	-
50	90	-	-	720	1.391.377	-	1.391.377	7.263.164	-	7.263.164	16.427.162	-	16.427.162	-
55	95	-	-	720	1.495.230	-	1.495.230	9.717.114	-	9.717.114	24.137.575	-	24.137.575	-
59	99	-	-	720	1.584.077	-	1.584.077	12.266.340	-	12.266.340	32.842.446	-	32.842.446	-

VI. BẢNG MINH HỌA VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

MINH HỌA VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VỚI CÁC MỨC LÃI SUẤT														Đơn vị tính: nghìn đồng
Năm HĐ	Tuổi NDBH 1	LÃI SUẤT ĐẢM BẢO (Quyền lợi đảm bảo)				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 6%/NĂM				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 8%/NĂM				Rút tiền mặt
		QL Duy trì Hợp đồng & QL Tuổi vàng	QLBH Bệnh Nan Y	QLBH Tử vong/ TTTBVV	QLBH Tử vong do Tai nạn	QL Duy trì Hợp đồng & QL Tuổi vàng	QLBH Bệnh Nan Y	QLBH Tử vong/ TTTBVV	QLBH Tử vong do Tai nạn	QL Duy trì Hợp đồng & QL Tuổi vàng	QLBH Bệnh Nan Y	QLBH Tử vong/ TTTBVV	QLBH Tử vong do Tai nạn	
1	41	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-
2	42	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-
3	43	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-
4	44	1.084	500.000	1.000.000	500.000	2.214	500.000	1.000.000	500.000	2.994	500.000	1.000.000	500.000	-
5	45	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-
6	46	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-
7	47	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-
8	48	4.790	500.000	1.000.000	500.000	10.328	500.000	1.000.000	500.000	14.482	500.000	1.000.000	500.000	-
9	49	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-
10	50	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-
11	51	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-
12	52	7.323	500.000	1.000.000	500.000	21.033	500.000	1.000.000	500.000	31.112	500.000	1.000.000	500.000	-
13	53	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-
14	54	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-
15	55	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-
16	56	8.084	500.000	1.000.000	500.000	34.537	500.000	1.000.000	500.000	54.421	500.000	1.000.000	500.000	-
17	57	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.008.274	500.000	-
18	58	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.115.374	500.000	-
19	59	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.229.978	500.000	-
20	60	8.317	500.000	1.000.000	500.000	51.858	500.000	1.075.917	500.000	87.722	500.000	1.440.397	500.000	-
21	61	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.163.360	500.000	-	500.000	1.579.249	500.000	-
22	62	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.254.847	500.000	-	500.000	1.727.847	500.000	-
23	63	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.350.745	500.000	-	500.000	1.887.244	500.000	-
24	64	9.919	500.000	1.000.000	500.000	74.414	500.000	1.525.498	500.000	135.040	500.000	2.193.107	500.000	-
25	65	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.593.799	500.000	-	500.000	2.345.326	500.000	-

MINH HỌA VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VỚI CÁC MỨC LÃI SUẤT														Đơn vị tính: nghìn đồng
Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	LÃI SUẤT ĐẢM BẢO (Quyền lợi đảm bảo)				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 6%/NĂM				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 8%/NĂM				Rút tiền mặt
		QL Duy trì Hợp đồng & QL Tuổi vàng	QLBH Bệnh Nan Y	QLBH Tử vong/ TTTBVV	QLBH Tử vong do Tai nạn	QL Duy trì Hợp đồng & QL Tuổi vàng	QLBH Bệnh Nan Y	QLBH Tử vong/ TTTBVV	QLBH Tử vong do Tai nạn	QL Duy trì Hợp đồng & QL Tuổi vàng	QLBH Bệnh Nan Y	QLBH Tử vong/ TTTBVV	QLBH Tử vong do Tai nạn	
30	70	-	500.000	1.000.000	500.000	-	500.000	1.939.925	500.000	-	500.000	3.244.557	500.000	-
31	71	-	500.000	1.000.000	-	-	500.000	2.006.254	-	-	500.000	3.453.540	-	-
35	75	1.077.447	500.000	1.122.398	-	787.962	500.000	3.035.946	-	777.289	500.000	5.180.585	-	-
36	76	-	-	1.138.508	-	-	-	3.217.360	-	-	-	5.594.281	-	-
40	80	-	-	1.205.451	-	-	-	4.059.240	-	-	-	7.609.180	-	-
45	85	-	-	1.294.979	-	-	-	5.429.723	-	-	-	11.180.691	-	-
50	90	-	-	1.391.377	-	-	-	7.263.164	-	-	-	16.427.162	-	-
55	95	-	-	1.495.230	-	-	-	9.717.114	-	-	-	24.137.575	-	-
59	99	-	-	1.584.077	-	-	-	12.266.340	-	-	-	32.842.446	-	-

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN:

Tổng số năm đóng phí (dự kiến):	24 năm	Tổng số phí đóng (dự kiến):	924.000.000 đồng
Số tiền nhận khi đáo hạn (lãi suất 8%):	32.842.446.000 đồng	Tổng số tiền mặt rút (dự kiến):	-
Số tiền nhận khi đáo hạn (lãi suất 6%):	12.266.340.000 đồng		

Ghi chú:

- Các giá trị nêu trong Bảng minh họa được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào đầu Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi theo định kỳ đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Các giả định ở mức lãi suất 8%, 6% chỉ có tính chất minh họa.
- Lãi suất đảm bảo là mức lãi suất tối thiểu mà Chubb Life cam kết áp dụng cho GTTKHĐ, bất kể kết quả hoạt động đầu tư từ Quỹ Liên kết chung. Lãi suất đảm bảo là 3%/năm trong 10 Năm hợp đồng đầu tiên, 2%/năm trong 05 Năm hợp đồng tiếp theo và 1,5%/năm trong những Năm hợp đồng còn lại.

GIẢI THÍCH CÁC LOẠI CHI PHÍ KHẤU TRỪ VÀ THUẬT NGỮ LIÊN QUAN

Phí ban đầu

Năm hợp đồng	1	2	3	4+
% của Phí BH cơ bản	80%	40%	20%	0%
% của Phí BH đóng thêm	0%	0%	0%	0%

Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung

Là khoản phí phân bổ từ số tiền thực đóng sau khi trừ đi Phí ban đầu và được nhập vào Quỹ LKC để đầu tư.

Khoản Khấu trừ hàng tháng

Khoản tiền được khấu trừ hàng tháng từ GTTKHD (bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro và Phí Quản lý hợp đồng). Trong đó: *Phí bảo hiểm rủi ro là khoản phí được tính toán dựa trên cơ sở rủi ro của NĐBH khi tham gia (các) QLBH. Phí Quản lý hợp đồng là khoản phí để thực hiện các công việc cần thiết cho việc duy trì hiệu lực HĐBH và cung cấp thông tin liên quan đến HĐBH. Phí Quản lý hợp đồng là 32.000 đồng/tháng trong năm 2019 và sẽ tự động điều chỉnh vào ngày 01/01 hàng năm với mức tăng là 2.000 đồng/tháng so với mức cố định của năm liền trước. Việc điều chỉnh tăng này sẽ chấm dứt khi Phí Quản lý là 60.000 đồng/tháng.*

Phí Quản lý quỹ

Là khoản phí dùng để trang trải cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ LKC. Phí Quản lý quỹ hiện tại là 2%/năm và có thể thay đổi nếu được Bộ Tài chính chấp thuận.

Phí chấm dứt hợp đồng

Là khoản phí được áp dụng khi BMBH yêu cầu chấm dứt HĐBH trước thời hạn. Phí này được tính theo tỷ lệ phần trăm của Phí BH cơ bản như sau:

Năm hợp đồng	1 - 3	4	5	6	7+
% của Phí BH cơ bản	100%	75%	50%	25%	0%

Giá trị Hoàn lại

Là số tiền mà BMBH sẽ nhận khi yêu cầu chấm dứt HĐBH. Giá trị Hoàn lại được xác định bằng GTTK Cơ bản trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng, cộng với GTTK Tích lũy.

Bằng việc ký tên dưới đây, tôi/chúng tôi xác nhận đã đọc và hiểu toàn bộ nội dung của Tài liệu minh họa này kể cả các lưu ý, cũng như đã được Đại diện Kinh doanh (ĐDKD) ký tên dưới đây tư vấn.

- ✓ Hiểu rõ tính chất sản phẩm Kế hoạch Tài chính dành cho gia đình với Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y cũng như đã được giải thích về cơ cấu tính phí bảo hiểm mà Chubb Life áp dụng cho Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Nhận thức rõ Quyền lợi bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư khi tham gia sản phẩm Kế hoạch Tài chính dành cho gia đình với Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y.
- ✓ Ý thức rằng việc tham gia sản phẩm Kế hoạch Tài chính dành cho gia đình với Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh Nan Y là một cam kết dài hạn và việc hủy bỏ hợp đồng là không có lợi vì các khoản phí Bên mua Bảo hiểm phải trả rất cao trong thời gian đầu.
- ✓ Hợp đồng Bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực khi Phí Bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ vào ngày đến hạn đóng phí trong 03 Năm hợp đồng đầu tiên, hoặc khi Giá trị Tài khoản Hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng "0" đồng.
- ✓ Tài liệu minh họa này chỉ mang tính chất tham khảo, không phải là Hợp đồng Bảo hiểm hay Đề nghị giao kết Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Tài liệu minh họa sẽ không có giá trị nếu không có đủ số trang đã nêu.

Bên mua Bảo hiểm

(Vui lòng ghi họ tên bằng chữ thường)

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

Tôi xác nhận chữ ký trên đây được Bên mua Bảo hiểm ghi trong Tài liệu minh họa này ký trước sự chứng kiến của tôi.

ĐDKD tư vấn

Mã số ĐDKD

Chữ ký

Ngày/tháng/năm